

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin
tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Kiên Giang thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 64-CTr/TU ngày 09/9/2015 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 07/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đề cương và dự toán chi phí lập Quy

hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Kiên Giang đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 714/TTr-STTTT ngày 01/8/2016 về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (gọi tắt là Quy hoạch), với nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử (CQĐT) trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải cách hành chính; triển khai đồng bộ, nâng cao tính hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành, tạo môi trường công khai, minh bạch, hiện đại, góp phần nâng cao năng lực sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

2. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một công cụ hữu hiệu tạo lập phương thức phát triển mới; là một trong những động lực quan trọng của sự phát triển kinh tế tri thức, xã hội thông tin, góp phần quan trọng vào thực hiện phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

3. Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với kết cấu hạ tầng đô thị, đáp ứng yêu cầu về quản lý và khai thác có hiệu quả về con người, tài chính và hạ tầng thiết yếu. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống chính trị và quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp và người dân.

4. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin làm tiền đề hỗ trợ các ngành công nghiệp khác phát triển. Ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin, góp phần quan trọng vào tăng cường năng lực công nghệ của tỉnh cũng như cả nước. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghiệp công nghệ thông tin trong và ngoài nước.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Ứng dụng công nghệ thông tin sâu rộng trong các hoạt động của các cơ quan Đảng và nhà nước, cơ bản xây dựng thành công chính quyền điện tử, công

dân điện tử, giáo dục điện tử, y tế điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch và thương mại điện tử. Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính và trong các lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân; công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước. Xếp hạng mức độ khá trong cả nước về chỉ số sẵn sàng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hạ tầng công nghệ thông tin:

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, Trung tâm tích hợp dữ liệu đủ mạnh nhằm đáp ứng các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

Hầu hết cán bộ công chức trong cơ quan nhà nước (đến cấp xã) được trang bị máy tính; 100% sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn được kết nối bằng cáp quang với mạng diện rộng của tỉnh, đường truyền tốc độ cao.

Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật cho 90% các cuộc họp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh với các đơn vị trực thuộc được thực hiện trên môi trường mạng.

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin:

* Xây dựng chính quyền điện tử:

95% các văn bản, tài liệu của các cơ quan nhà nước các cấp (trừ các văn bản mật) được trao đổi và liên thông trên môi trường mạng từ chính quyền Trung ương đến cấp xã và có ứng dụng chữ ký số.

90% các cuộc họp trực tuyến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện, giữa các cơ quan cấp tỉnh với cấp huyện và các đơn vị cấp xã được thực hiện trực tuyến trên môi trường mạng.

100% cán bộ, công chức cơ quan nhà nước sử dụng hộp thư điện tử trong công việc.

Cổng dịch vụ công của tỉnh được hình thành, tích hợp tất cả các dịch vụ công trực tuyến của các sở, ngành, địa phương; cung cấp được hầu hết dịch vụ công phổ biến liên quan nhiều đến người dân, doanh nghiệp ở mức độ 3 và 30% dịch vụ công mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp. Cổng dịch vụ công của tỉnh kết nối vào Cổng thông tin Văn phòng Chính phủ.

* Xây dựng và phát triển doanh nghiệp điện tử:

70% doanh nghiệp tham gia các website thương mại điện tử, cập nhật định kỳ thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm; 65% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ chữ ký số khi tham gia giao dịch điện tử; 95% các doanh nghiệp khai báo thuế qua mạng.

* Xây dựng và phát triển công dân điện tử:

50% - 60% hộ gia đình có máy tính và truy cập internet băng rộng.

100% học sinh trung học cơ sở có thể sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác internet.

100% các đơn vị y tế ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý, điều hành, tác nghiệp. Trên 80% cán bộ y tế được phổ cập sử dụng tin học.

2.3. Công nghiệp công nghệ thông tin:

Hình thành khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung góp phần thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, tạo hạ tầng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, đưa công nghiệp công nghệ thông tin tỉnh Kiên Giang trở thành một ngành công nghiệp quan trọng có đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng GRDP của tỉnh, góp phần thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Kiên Giang.

2.4. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin:

100% sở, ban, ngành, huyện có lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin và có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin có trình độ cao đẳng hoặc tương đương trở lên.

100% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của các đơn vị nhà nước các cấp được bồi dưỡng nâng cao trình độ về xây dựng, triển khai, quản lý và giám sát các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin.

100% cán bộ lãnh đạo thông tin tại các cơ quan nhà nước các cấp và trong các doanh nghiệp được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức công nghệ thông tin và kỹ năng quản lý công nghệ thông tin.

Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo máy tính và các ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.

III. ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

*** Ứng dụng công nghệ thông tin**

100% các văn bản, tài liệu của các cơ quan nhà nước các cấp (trừ các văn bản mật) được trao đổi và liên thông trên môi trường mạng từ chính quyền Trung ương đến cấp xã và có ứng dụng chữ ký số.

98% các cuộc họp trực tuyến giữa các cơ quan Trung ương và địa phương; giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện; giữa các cơ quan cấp tỉnh với cấp huyện và các đơn vị cấp xã được thực hiện trực tuyến trên môi trường mạng.

100% dịch vụ công cơ bản mức độ 3 và 50% dịch vụ công mức độ 4 được cung cấp trên cổng dịch vụ công của tỉnh phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo 100% các cơ quan nhà nước của tỉnh được kết nối với mạng diện rộng, đường truyền tốc độ cao.

100% trường học các cấp được triển khai tập trung phần mềm quản lý trường học; trang bị thiết bị trợ giúp công nghệ thông tin trong việc giảng dạy. Hầu hết các trường phổ thông, đặc biệt là tại các trường tiểu học đều có giáo viên giảng dạy môn tin học.

Hình thành hầu hết các bệnh viện điện tử, bệnh viện thông minh, quản lý bệnh viện từ xa.

Trên 85% dân số sử dụng các trang thiết bị kết nối internet khai thác dịch vụ công.

90% doanh nghiệp tham gia các website thương mại điện tử; 85% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ chữ ký số khi tham gia giao dịch điện tử; 98% các doanh nghiệp khai báo thuế qua mạng.

100% các phương tiện đều trang bị thiết bị giám sát hành trình ô tô theo đúng quy chuẩn, quy định.

* Công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin:

Ít nhất 10 doanh nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin có thương hiệu, có 5 trong số 10 doanh nghiệp phần mềm và nội dung số đạt chứng nhận về quản lý chất lượng (ISO 9001, CMMI mức độ 3 trở lên).

IV. NỘI DUNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐẾN NĂM 2020:

1. Kiến trúc chính quyền điện tử:

Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, đồng bộ, đảm bảo khả năng kết nối liên thông giữa các cấp ngành từ Trung ương đến địa phương.

Xây dựng các ứng dụng tập trung hóa, ưu tiên hoàn thiện 06 cơ sở dữ liệu chung của tỉnh; cung cấp được 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành viên của các đơn vị sở, ngành, huyện. Trong đó, ưu tiên triển khai dịch vụ công mức độ 3 và 4 phổ biến liên quan nhiều đến người dân và doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực: Xây dựng, đất đai, du lịch, giáo dục, y tế, môi trường, đầu tư, dân cư, nông – lâm nghiệp, thủy sản, xuất nhập cảnh, bảo hiểm xã hội, giao thông, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông.

2. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

Triển khai kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng tại các cơ quan Đảng và nhà nước. Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Phát triển mạng viễn thông, thực hiện nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, nhà nước. Xây dựng mạng chuyên của tỉnh, thực hiện nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; tiếp tục triển khai hệ thống chữ ký số và chứng thực chữ ký số. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong các đơn vị giáo dục đào tạo và y tế.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin:

3.1. Trong cơ quan Đảng, đoàn thể:

Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu từ Tỉnh ủy đến các cấp uỷ Đảng trực thuộc nhằm phục vụ khai thác, xử lý thông tin trên mạng LAN, WAN linh hoạt và thông suốt.

Xây dựng các phần mềm, cơ sở dữ liệu tại các cơ quan đoàn thể gồm nhiều phân hệ quản lý như: Quản lý tổ chức hội và hội viên của tỉnh; quản lý các hoạt động cơ quan đoàn thể; ứng dụng công nghệ thông tin vào cung cấp thông tin trên các trang thông tin điện tử phục vụ hệ thống tổ chức các cơ quan đoàn thể. Đào tạo cán bộ, công chức cho ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển hệ thống tổ chức các cơ quan đoàn thể. Triển khai chương trình phổ cập tin học và nối mạng tri thức cho các tổ chức đoàn thể.

3.2. Trong cơ quan nhà nước:

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; từng bước triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai – xây dựng, doanh nghiệp, bảo hiểm... Xây dựng hệ thống điện tử thông suốt, kết nối và liên thông văn bản điện tử, dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Xây dựng, triển khai các ứng dụng, tác nghiệp dùng chung, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ các hoạt động tác nghiệp chuyên ngành và cung cấp dịch vụ công. Tối ưu hóa chức năng phục vụ, quy trình tác nghiệp G2G (giao dịch trong nội bộ và giữa các cơ quan nhà nước) và G2C (giao dịch giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp), trọng tâm thuộc các ngành, lĩnh vực: Tài nguyên – môi trường, giáo dục và đào tạo, y tế, giao thông, xây dựng, nông nghiệp, văn hóa – du lịch, lao động – thương binh – xã hội, công thương, tư pháp, khoa học – công nghệ, thông tin – truyền thông, nội vụ, kế hoạch và đầu tư, bảo hiểm.

Xây dựng cổng dịch vụ công của tỉnh trên cơ sở hình thành từ các hệ thống thông tin về thủ tục hành chính, dân cư, đất đai – xây dựng và doanh nghiệp; tích hợp tất cả các dịch vụ công của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã cấp phép, thực hiện các thủ tục liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về kết nối, tích hợp dữ liệu và truy cập thông tin; đảm bảo yêu cầu về an toàn, bảo mật, sao lưu, phục hồi dữ liệu;

đáp ứng nhu cầu trao đổi, giao tiếp, khai thác thông tin của người dân và doanh nghiệp.

3.3. Trong các lĩnh vực đời sống xã hội:

Tích cực áp dụng và đổi mới phương pháp dạy học, trên cơ sở lấy công nghệ thông tin là công cụ, phương tiện phục vụ giảng dạy, đồng thời là một môn khoa học. Xây dựng phương án dạy và học môn tin học thích hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, các trường trong tỉnh, đặc biệt tại các trường dành cho con em đồng bào dân tộc, vùng biên giới, hải đảo.

Ứng dụng thí điểm và mở rộng quy mô các chương trình hỗ trợ quản lý giảng dạy trong mọi môn học và xây dựng các chương trình dạy học từ xa, các chương trình ôn tập bổ sung kiến thức cho học sinh các cấp.

Xây dựng mạng thông tin y tế để hình thành hệ thống dịch vụ y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe của người dân và kết nối thông tin giữa các bệnh viện. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các bệnh tật, thuốc chữa bệnh và các phương pháp phòng bệnh, khám chữa bệnh để cung cấp thông tin cho mạng thông tin y tế.

Xây dựng các ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, kết hợp công nghệ thông tin với công nghệ sinh học để phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Phát triển các trang thông tin điện tử khuyến nông, khuyến ngư, theo dõi rừng, theo dõi dự báo dịch hại trên cây trồng. Xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất và kinh doanh nông, lâm nghiệp, thủy sản. Hướng dẫn, khuyến khích nông dân sử dụng giao dịch và thương mại điện tử.

4. Trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ:

Phát triển công nghệ thông tin trong khối doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản lý và sản xuất, tạo lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện đại, tạo nên ưu thế về giá, sự khác biệt phù hợp với chiến lược cạnh tranh của từng doanh nghiệp.

Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo ứng dụng điều hành và quản lý phục vụ sản xuất và kinh doanh bao gồm máy tính, máy chủ, máy in, mạng LAN, WAN, internet, hệ thống website của công ty để triển khai hoạt động thương mại điện tử.

Chú trọng xây dựng và cung cấp các dịch vụ công phục vụ doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin; đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai sử dụng hệ thống dịch vụ chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động giao dịch điện tử nhằm đảm bảo an toàn thông tin; thực hiện nghĩa vụ công và khai thác dịch vụ công của các doanh nghiệp.

Nâng cấp, phát triển cổng thông tin điện tử doanh nghiệp và đầu tư tỉnh, các trang/cổng thông tin điện tử thành phần cho doanh nghiệp; phát triển

thương mại điện tử, sàn giao dịch thương mại, mua bán trực tuyến và giao dịch thương thảo hợp đồng qua mạng, tuyên truyền quảng bá các hoạt động xúc tiến đầu tư.

5. Phát triển công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin:

Mở rộng mạng lưới dịch vụ công nghệ thông tin tại các thành phố, thị xã, các khu kinh tế, các khu đô thị. Chú trọng phát triển dịch vụ công nghệ thông tin tại khu vực đảo Phú Quốc phục vụ mục tiêu từng bước xây dựng Phú Quốc trở thành một thành phố biển đảo, trung tâm du lịch và dịch vụ cao cấp, trung tâm khoa học công nghệ của quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

Xây dựng khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung; phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành một ngành công nghiệp quan trọng có đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng GDP của tỉnh, góp phần thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư từ các nguồn vốn trong và ngoài nước xây dựng nhà máy gia công, lắp ráp các thiết bị phần cứng, điện tử tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tập trung phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung thông tin số nhằm tận dụng lợi thế nguồn nhân lực và vị trí của tỉnh.

6. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin:

Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Nâng cao chất lượng nhân lực phụ trách quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin. Xây dựng cơ chế ưu đãi nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia công nghệ thông tin và an toàn an ninh thông tin giỏi làm việc cho các cơ quan nhà nước.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của hệ thống đào tạo nhân lực công nghệ thông tin, đề trình độ đào tạo nhân lực công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng đủ cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và cán bộ chuyên trách trình độ trung cấp chuyên nghiệp trở lên ở các cơ sở giáo dục tiểu học, giáo dục trung học.

7. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin:

Đầu tư, nâng cấp các thiết bị, các giải pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế. Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý đủ khả năng, trình độ kỹ thuật phù hợp chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin.

Xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý về an toàn thông tin trong hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, tổ chức cần có một chính sách bảo mật thông nhất, mọi thành viên đều phải

tuân thủ chính sách chung một cách đồng bộ. Đảm bảo khả năng truy vết và khôi phục thông tin trong trường hợp có sự cố. Thường xuyên phối hợp với cơ quan hữu quan và các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn mạng cập nhật các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin mới nhất.

V. VỐN ĐẦU TƯ VÀ DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ:

1. Nhu cầu và nguồn vốn thực hiện quy hoạch:

- Nhu cầu vốn đầu tư: 1.818 tỷ đồng.
- Nguồn vốn:
 - + Vốn ngân sách Trung ương: 5 tỷ đồng.
 - + Vốn ngân sách địa phương: 163 tỷ đồng.
 - + Vốn doanh nghiệp, hợp tác công tư, thuê dịch vụ: 1.650 tỷ đồng.

2. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2020: (Phụ lục đính kèm)

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Huy động vốn đầu tư

Vốn từ ngân sách Trung ương chủ yếu đầu tư cho các dự án công nghệ thông tin thực hiện đồng bộ các địa phương, triển khai theo các ngành dọc.

Vốn từ ngân sách địa phương chủ yếu đầu tư cho các dự án phát triển chính quyền điện tử, người dân và doanh nghiệp; đầu tư phát triển nguồn nhân lực trong các cơ quan nhà nước các cấp.

Sử dụng quỹ dịch vụ viễn thông công ích trong việc đầu tư phát triển công nghệ thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành phần của các sở, ngành, địa phương; đầu tư xây dựng dịch vụ công trực tuyến tại các khu vực huyện khó khăn.

Triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin từ các doanh nghiệp công nghệ thông tin, bao gồm: Phần cứng, phần mềm, đường truyền, giải pháp và các dịch vụ có thu phí nhằm giảm các chi phí triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các đơn vị.

Triển khai đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Public Private Partner – PPP) đối với các dự án phát triển chính quyền điện tử, công dân điện tử và doanh nghiệp điện tử.

Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư nước ngoài về lĩnh vực công nghệ thông tin vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin là giải pháp đột phá có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện các mục tiêu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Trọng tâm là tuyển dụng nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao, kết hợp với đào tạo bổ sung, cập nhật kiến thức mới cho nhân lực hiện có. Phát triển các hình thức liên kết đào tạo; nâng cao chất lượng đội

ngũ cán bộ về công nghệ thông tin. Chú trọng đào tạo chuyên sâu về kỹ năng ứng dụng, sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin.

3. Công nghệ

Giải pháp về công nghệ: Trong chương trình xây dựng chính quyền điện tử, các địa phương đều phát triển hệ thống ứng dụng dựa trên công nghệ và sử dụng các sản phẩm có bản quyền. Khuyến khích ứng dụng giải pháp điện toán đám mây trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của Kiên Giang.

Giải pháp về an toàn thông tin:

Ban hành quy chế nội bộ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng. Kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các thiết bị, phần mềm hệ thống, công cụ, phần mềm ứng dụng trước khi đưa vào sử dụng. Mọi trao đổi thông tin liên quan đến công việc nhà nước chỉ được sử dụng qua hệ thống thư điện tử của tỉnh Kiên Giang.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp để quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin mạng của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật; tăng cường sử dụng các phần mềm diệt virus và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng nội bộ, máy tính tại cơ quan đơn vị. Kịp thời ngăn chặn, phòng chống và khắc phục nhanh các cuộc tấn công vào hệ thống.

4. Cơ chế chính sách

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về thúc đẩy và hỗ trợ phát triển chính quyền điện tử. Ban hành các chính sách có quy chế, quy định, quy trình trong việc sử dụng các ứng dụng dùng chung và chuyên ngành.

Hoàn thiện các quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động cơ quan nhà nước.

Xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi nhằm thu hút các chuyên gia công nghệ thông tin và an toàn thông tin giỏi làm việc trong cơ quan nhà nước; chính sách hỗ trợ, ưu đãi về thu nhập cho cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin và cho các giáo viên giảng dạy tin học tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng cơ chế chính sách đẩy mạnh áp dụng hình thức thuê, mua dịch vụ công nghệ thông tin; hình thức hợp tác công - tư (PPP).

Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xây dựng chính sách khuyến khích xã hội ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất lao động; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Điều 2. Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 là cơ sở cho việc quản lý, triển khai các chương trình, dự án, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

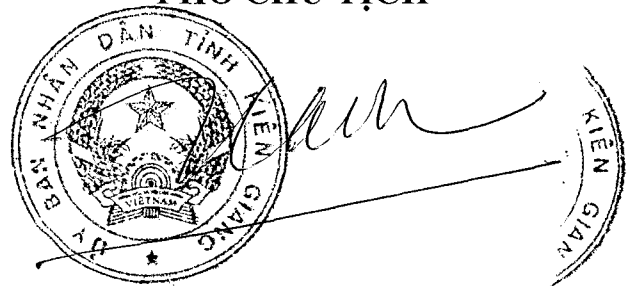
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. VHXX, P. TH;
- Lưu: VT, ltram (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Văn Huỳnh

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020
(Đính kèm Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2016 của
Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
I	Xây dựng Chính quyền điện tử				4,00	124,96	224,10	353,06
1	Nâng cấp hệ thống thư điện tử của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	2018 – 2019		1,81		1,81
2	Phát triển và mở rộng hệ thống quản lý liên thông văn bản, hồ sơ điện tử và cơ sở dữ liệu theo dõi chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh		2016 – 2020		2,20		2,20
3	Mở rộng hệ thống hội nghị giao ban trực tuyến cho một số sở và các huyện, xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh		2017 - 2020		10,80		10,80
4	Xây dựng và nâng cấp cổng thông tin điện tử của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	2018 - 2019		2,55		2,55
5	Xây dựng, nâng cấp trang/cổng thông tin và nâng cấp các hệ thống thông tin quản lý và tác nghiệp chuyên ngành	Các sở, ban, ngành		2016 - 2020		10,40	32,60	43,00
6	Xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành	2016 - 2020		14,20	50,30	64,50

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
7	Xây dựng các phần mềm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành	2016 - 2020	4,00	32,00	108,00	144,00
8	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đất đai - xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng		2016 - 2017		10,50	18,50	29,00
9	Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020		10,80		10,80
10	Kết nối mạng diện rộng của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020		1,80		1,80
11	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		2018 - 2020		7,50	7,50	15,00
12	Đầu tư đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020		3,60	7,20	10,80
13	Đầu tư phát triển chứng thư số, dịch vụ chứng thực trong các cơ quan nhà nước (theo hình thức thuê dịch vụ)	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020		5,50		5,50
14	Đào tạo cán bộ CIO cho các cơ quan, đơn vị sở, ban, ngành, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020		3,60		3,60
15	Đào tạo tập trung cán bộ phụ trách: nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020		7,70		7,70

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
II	Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo				0,20	0,20	128,90	129,30
1	Triển khai ứng dụng các chương trình quản lý giáo dục và các phần mềm giảng dạy tại các trường học các cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo		2016 - 2020	0,10	0,10	9,30	9,50
2	Đầu tư phòng học công nghệ thông tin; trang bị máy tính, kết nối mạng LAN phục vụ quản lý và giảng dạy cho các trường từ trung học phổ thông đến tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo		2016 - 2020	0,10	0,10	119,60	119,80
III	Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế				0,40	0,00	20,30	20,70
1	Triển khai ứng dụng các phần mềm quản lý và khám, điều trị tại các cơ sở y tế	Sở Y tế		2016 - 2020	0,20		5,00	5,20
2	Đầu tư trang bị máy tính, kết nối mạng LAN, internet cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế		2016 - 2020	0,20		15,30	15,50
IV	Ứng dụng công nghệ thông tin trong xã hội				0,00	0,00	12,60	12,60
1	Phổ cập tin học cho nhân dân	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020			12,60	12,60
V	Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại, dịch vụ, giao thông, nông nghiệp				0,00	33,04	193,46	226,50
1	Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong doanh nghiệp	Sở Công Thương và các		2016 - 2020			140,00	140,00

TT	Nội dung dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Phân bổ nguồn vốn đầu tư			Tổng kinh phí
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp, xã hội hóa	
		doanh nghiệp						
2	Nâng cấp và phát triển sàn giao dịch thương mại điện tử	Sở Công Thương		2016 - 2017			3,50	3,50
3	Xây dựng hệ thống thông tin trong du lịch	Sở Du lịch		2018 - 2020		1,24	1,76	3,00
4	Xây dựng hệ thống thông tin trong nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2018 - 2020		1,30	2,70	4,00
5	Xây dựng hệ thống tổng thể giao thông thông minh	Sở Giao thông vận tải		2016 - 2020		30,50	45,50	76,00
VI	Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin				0,00	4,50	1.071,50	1.076,00
1	Khu công nghệ thông tin tập trung	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020		3,00	410,00	413,00
2	Xây dựng vườn ươm doanh nghiệp công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020		1,50	10,50	12,00
3	Phát triển công nghiệp phần cứng	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020			301,00	301,00
4	Phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số	Sở Thông tin và Truyền thông		2016 - 2020			350,00	350,00
Tổng					4,60	162,70	1.650,86	1.818,16